

TRƯỜNG TRUNG CẤP BÁCH KHOA SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

MÔN: LÝ 10

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1	1213360005	Phan Thụy Ngọc	Ánh	05/02/2002	01MK14C1	5,0	5,0	5,0		9,0	7,4	Đạt
2	1213360027	Trác Xuân Hùng	Bách	27/10/2002	01KT14C1	0,0	0,0	0,0	TBKT	0,0	0,0	Học lại
3	1213360049	Châu Quốc	Bảo	28/12/2006	01TM14C1	10,0	7,0	8,0		9,0	8,6	Đạt
4	1203360159	Nguyễn Đặng Trung	Bảo	27/12/2005	01TM14C1	10,0	8,0	8,7		8,5	8,6	Đạt
5	1213360149	Phạm Thanh	Bình	04/9/2005	01DD14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
6	1213360032	Trần Phương	Hằng	19/01/2006	01KT14C1	5,0	5,0	5,0		6,0	5,6	Đạt
7	1213360064	Nguyễn Thị Kim	Hằng	07/09/2006	01DD14C1	9,0	8,0	8,3		7,5	7,8	Đạt
8	1213360080	Nguyễn Ngọc	Hân	20/11/2006	01KT14C1	7,0	6,0	6,3		6,5	6,4	Đạt
9	1213360098	Ngũ Chí	Hiệp	14/12/2006	01TM14C1	8,0	8,0	8,0		8,5	8,3	Đạt
10	1213360154	Trần Phan Quốc	Hùng	02/9/2006	01MK14C1	9,0	7,0	7,7		8,0	7,9	Đạt
11	1213360006	Vũ	Huy	01/05/2000	01DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
12	1213360091	Nguyễn Thị Kim	Khánh	25/8/2006	01KT14C1	5,0	5,0	5,0		6,5	5,9	Đạt

TT	Mã SV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	Mã lớp	Điểm QT		Điểm TB QT	Điều kiện thi KTM	Điểm TBM Lần 1			
					HS1	HS2			Thi	TB Môn	KQ1	
							4,0		6,0			
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
27	1213360019	Nguyễn Thị Kim	Thảo	04/04/1995	01KT14C1	5,0	9,0	7,7		8,5	8,2	Đạt
28	1213360054	Trương Kim Uyên	Thảo	01/10/2006	01MK14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
29	1213360070	Nguyễn Thị Thu	Trang	29/12/2006	01KT14C1	3,0	8,0	6,3		7,5	7,0	Đạt
30	1213360092	Nguyễn Hồ Phương	Uyên	30/5/2006	01MK14C1	8,0	8,0	8,0		8,5	8,3	Đạt
31	1213360014	Đặng Thị Như	Ý	21/06/2006	01DS14C1			0,0	TBKT		0,0	Học lại
32	1193360102	Trần Đức	Huy	26/01/2004	01TM12C1	9,0	7,0	7,7		8,0	7,9	Đạt
33	1213360099	Trần Ngọc	Anh	18/5/2006	01MK14C1	8,0	8,0	8,0		8,5	8,3	Đạt
34	1193360056	Nguyễn Thiên	Phú	17/11/2004	01KT12C1	7,0	8,0	7,7		8,0	7,9	Đạt
35	1213360041	Lê Nguyễn Anh	Thư	18/02/2000	01DS14D1	9,0	10,0	9,7		9,0	9,3	Đạt
36	1213360122	Trần Quốc	Vũ	10/2/1982	01YS14D1	9,0	9,0	9,0		9,5	9,3	Đạt